

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP TV  
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 05-4-2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con và cấp  
dưỡng”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TV, TỈNH TRÀ VINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thảo Nguyễn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trịnh Thanh Phong.

Bà Thạch Thị Mỹ Kim.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Tuyền, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TV, tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TV, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thu Giang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TV, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 242/2024/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 10 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con và cấp dưỡng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Trịnh Như L**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số 105/5 L, Khóm C, Phường E, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh. (có đơn xét xử vắng mặt)

Nơi ở hiện nay: Hẻm 27, Đường B, Khóm D, Phường G, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh.

2. **Bị đơn:** Ông **Dương Tấn L1**, sinh năm 1975. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 413A, Khóm E, Phường C, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh.

Địa chỉ liên hệ: Hẻm 27, Đường B, Khóm D, Phường G, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện và lời khai của bà Trịnh Như L là nguyên đơn trình bày:*

Ngày 13/01/2018, bà L và ông L1 tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh. Cuộc sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc, thời gian sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, ông L1 không quan tâm chăm sóc vợ con, mọi thứ chi tiêu trong gia đình phải do cá nhân bà L tự gánh vác. Ngoài ra, ông L1 còn tự gây nợ riêng bên ngoài. Bà L và ông L1 đã ly thân nhau khoảng 03 năm nay. Bà L không còn tình cảm yêu thương gắn bó với ông Dương Tấn L1. Nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông L1.

- Về con chung: Bà L và ông L1 có một người con chung tên Dương Ngọc Lan V, sinh ngày 20/9/2018. Hiện cháu V đang sống chung với bà L. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V và yêu cầu ông L1 phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Dương Tấn L1 vắng mặt nên không có lời trình bày:*

*Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:*

1. Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án trong thời gian chuẩn bị xét xử; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí sơ thẩm: Bà Trịnh Như L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông Dương Tấn L1 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa Tòa án nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trịnh Như L yêu cầu được ly hôn với ông Dương Tấn L1, và yêu cầu giải quyết quyền nuôi con, cấp dưỡng trong cùng vụ án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con và cấp dưỡng”. Bị đơn ông Dương Tấn L1 cư trú tại Khóm E, Phường C, thành phố TV, nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân thành phố Trà Vinh theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Trịnh Như L có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Dương Tấn L1 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không có ý kiến phải hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà L, ông L1 là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Như L và ông Dương Tấn L1 qua quá trình tìm hiểu và tiến đến hôn nhân với nhau. Bà Trịnh Như L và ông Dương Tấn L1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh, theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/01/2018, nên quan hệ hôn nhân giữa bà Trịnh Như L và ông Dương Tấn L1 là hôn nhân hợp pháp theo Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo lời trình bày của bà Trịnh Như L, trong quá trình chung sống giữa bà L và ông L1 phát sinh mâu thuẫn, không thể hàn gắn được. Mâu thuẫn chủ yếu là ông L1 không quan tâm chăm sóc vợ con, mọi thứ chi tiêu trong gia đình phải do cá nhân bà L tự gánh vác. Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 03/3/2025, trong cuộc sống hôn nhân bà L và ông L1 có phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn chủ yếu là vấn đề tiền bạc. Hội đồng xét xử nhận thấy, từ lúc bà L khởi kiện đến ngày xét xử, ông L1 luôn vắng mặt không đến Tòa tham dự các phiên hòa giải. Trong các buổi hòa giải tại Tòa án, bà L cũng không cho ông L1 cơ hội để vợ chồng đoàn tụ. Bà L khẳng định không còn tình cảm yêu thương với ông L1. Điều này chứng tỏ, tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông L1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xem xét cho bà L được ly hôn với ông L1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Bà Trịnh Như L và ông Dương Tấn L1 có một người con chung tên Dương Ngọc Lan V, sinh ngày 20/9/2018. Hiện cháu V đang sống chung với bà Trịnh Như L. Bà L có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V. Tuy nhiên, khi xem xét giao con cho người nào nuôi dưỡng phải xem xét toàn diện các yếu tố. Cháu V là bé gái, từ nhỏ đã sống chung với bà L, bà L sẽ hiểu được tâm tư, tình cảm cũng như vấn đề sinh lý của bé gái. Do đó, giao cháu V cho bà Lan nuôi dưỡng là hợp lý.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà L yêu cầu ông Dương Tấn L1 phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Xét yêu cầu mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng của bà L là phù hợp nên chấp nhận.

- Về tài sản chung: Bà Trịnh Như L khai không có, nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Trịnh Như L khai không có, nên không xem xét giải quyết.

[3] Xét lời đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trịnh Như L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Ông Dương Tấn L1 phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9; Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Như L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Như L được ly hôn với ông Dương Tấn L1.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Ngọc Lan V, sinh ngày 20/9/2018 cho bà Trịnh Như L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc ông Dương Tấn L1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Dương Ngọc Lan V mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

4. Về tài sản chung: Bà Trịnh Như L khai không có, nên không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Bà Trịnh Như L khai không có, nên không xem xét giải quyết.

6. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trịnh Như L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà L đã đóng theo biên lai thu tiền số 0000935 ngày 09/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TV. Bà L đã nộp đủ tiền án, bà L không phải nộp tiếp.

Ông Dương Tấn L1 phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

7. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận**

- Đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP.TV;
- Chi cục THADS TP. TV;
- Ủy ban nhân dân Phường A, Tp TV, Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thảo Nguyên**